

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 232/2019 /TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là sự tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1) *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Trung H** - Sinh năm: 1978; địa chỉ: Số A, ấp A, xã A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

1.2) *Bị đơn:* Bà **Thái Thị Ngọc L** - Sinh năm: 1982; địa chỉ: Ấp B, xã B A, huyện A, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Bà Thái Thị Ngọc L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trung H số tiền nợ vay 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Trả khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Trung H không yêu cầu bà Thái Thị Ngọc L trả lãi suất của số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

2.2) Hủy hợp đồng đặt cọc “Cho việc từng bước thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa ông Nguyễn Trung H và bà Thái Thị Ngọc L, đối với thửa đất số 215, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện A, tỉnh Bến Tre có diện tích 1303,3m² cấp cho bà Thái Thị Ngọc Loan vào ngày 22 tháng 12 năm 2014 .

2.3) Ông Nguyễn Trung H có nghĩa vụ trả cho bà Thái Thị Ngọc L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03114 do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh

Bến Tre cấp cho bà Thái Thị Ngọc L vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, thuộc thửa 215, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện A, tỉnh Bến Tre có diện tích 1303,3m², hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm. Trả khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

2.4) Kể từ ngày ông Nguyễn Trung H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Thái Thị Ngọc L chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì bà Thái Thị Ngọc L phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.5) Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.5.1) Bà Thái Thị Ngọc L phải chịu 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.5.2) Ông Nguyễn Trung H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Nguyễn Trung H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003655 ngày 18/6/2019 và 6.646.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003656 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Nam;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ, Vp, Bp.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thanh Lan

